

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP  
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 427 /CV-STP

V/v: Công bố BCTC  
quý 2 năm 2015

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà
2. Mã chứng khoán: STP
3. Địa chỉ trụ sở: Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: 04. 33521290/33828440 (máy lẻ 115); Fax: 04. 33822791
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Thúy Quỳnh
6. Nội dung thông tin công bố:
  - 6.1. Báo cáo tài chính quý 2/2015 (Công ty mẹ) của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 13 tháng 08 năm 2015, bao gồm: BCKT, BCKQD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế BCTC quý 2 năm 2015 (Công ty mẹ) so với cùng kỳ năm ngoái.
  - 6.3. Báo cáo tài chính quý 2/2015 (hợp nhất) của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 13 tháng 08 năm 2015, bao gồm: BCKT, BCKQD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.4. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế BCTC quý 2 năm 2015 (hợp nhất) so với cùng kỳ năm ngoái.
  - 6.5. Các tài liệu đính kèm:
    - Báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 (Công ty mẹ).
    - Công văn số 425 CT/TCKT ngày 13/08/2015 về giải trình chênh lệch số liệu BCTC quý 2 năm 2015 (Công ty mẹ).
    - Báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 (hợp nhất).
    - Công văn số 426 CT/TCKT ngày 13/08/2015 về giải trình chênh lệch số liệu BCTC quý 2 năm 2015 (hợp nhất).
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 2 năm 2015 (Công ty mẹ) và quý 2 năm 2015 (hợp nhất) của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà: **stp.com.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TH

**Người được ủy quyền CBTT**

(Ký tên, đóng dấu)



Vũ Thúy Quỳnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ  
YÊN NGHĨA – HÀ ĐÔNG – HÀ NỘI

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)  
QUÝ II NĂM 2015**

*Hà Nội, năm 2015*

## MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

(BÁO CÁO TRƯỚC KIỂM TOÁN)

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	1-3
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	4
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	5
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	6-37

\*\*\*\*\*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>125,556,738,427</b>	<b>121,608,480,251</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V1</b>	<b>19,226,979,989</b>	<b>30,074,295,245</b>
1. Tiền	111		4,904,118,349	9,451,504,683
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,322,861,640	20,622,790,562
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>85,000,000</b>	<b>85,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V2	154,438,000	154,438,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V3	(69,438,000)	(69,438,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77,754,795,631</b>	<b>65,310,145,664</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V4	65,323,870,148	47,498,391,249
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		185,044,000	149,076,940
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	22,224,856,446	22,559,652,438
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(9,978,974,963)	(4,896,974,963)
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>24,142,539,912</b>	<b>16,464,080,347</b>
1. Hàng tồn kho	141	V6	24,142,539,912	17,035,065,087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(570,984,740)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4,347,422,895</b>	<b>9,674,958,995</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		176,443,192	6,975,473
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,437,252,363	7,934,256,182
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V7	1,733,727,340	1,733,727,340
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V8		
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>44,417,363,300</b>	<b>41,616,131,456</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V9		
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>V10</b>	<b>11,768,611,866</b>	<b>13,315,885,356</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11,768,611,866	13,315,885,356

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên giá	222		44,208,659,558	44,104,114,103
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32,440,047,692)	(30,788,228,747)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V11</b>	<b>5,618,940,607</b>	<b>237,651,042</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,618,940,607	237,651,042
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V12</b>	<b>26,208,086,423</b>	<b>27,024,701,560</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		29,537,033,203	29,537,033,203
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10,041,486,640	10,041,486,640
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13,370,433,420)	(12,553,818,283)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>V13</b>	<b>821,724,404</b>	<b>1,037,893,498</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		821,724,404	1,037,893,498
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>169,974,101,727</b>	<b>163,224,611,707</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32,772,144,763</b>	<b>27,930,095,686</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32,772,144,763</b>	<b>27,930,095,686</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V14	7,330,322,670	16,197,071,369
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,250,487,113	1,351,572,917
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		252,210,575	988,028,397
4. Phải trả người lao động	314		1,260,789,060	1,491,173,037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V15	218,917,845	551,708,279
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V16	367,399,889	245,892,711
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V17	21,756,179,143	6,736,331,250
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		335,838,468	368,317,726
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V18</b>	<b>137,201,956,964</b>	<b>135,294,516,021</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>137,201,956,964</b>	<b>135,294,516,021</b>
<b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>411</b>		<b>70,000,000,000</b>	<b>70,000,000,000</b>
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70,000,000,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54,102,373,080	54,102,373,080
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(12,149,015,060)	(12,149,015,060)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29,794,582,914	29,794,582,914
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
<b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>421</b>		<b>(4,545,983,970)</b>	<b>(6,453,424,913)</b>
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6,453,424,913)	156,100,000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,907,440,943	(6,609,524,913)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>169,974,101,727</b>	<b>163,224,611,707</b>

Lập biểu

*[Signature]*

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Hà Nội ngày 13. tháng 2.2. năm 2015

Tổng Giám đốc



*[Signature]*

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Trãi

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II năm nay	Quý II năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	62,738,303,509	67,693,527,868	110,466,712,093	152,497,063,701
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		582,828,748	408,588,729	606,140,647	428,261,456
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		62,155,474,761	67,284,939,139	109,860,571,446	152,068,802,245
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	54,179,576,098	60,944,870,944	97,122,805,114	137,319,808,028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7,975,898,663	6,340,068,195	12,737,766,332	14,748,994,217
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	346,551,351	233,955,868	637,680,108	403,582,405
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	1,416,029,031	648,903,091	1,544,563,066	248,405,526
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		144,715,803	54,071,729	199,927,667	110,200,588
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	1,003,981,624	1,263,703,393	1,928,837,886	2,676,241,855
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	7,725,922,419	2,008,721,981	8,652,292,703	4,211,501,101
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(1,823,483,060)	2,652,695,598	1,249,752,785	8,016,428,140
12. Thu nhập khác	31	V1.7	98,757,073	204,949,930	733,187,730	277,946,244
13. Chi phí khác	32	V1.8	37,900,000	24,000,007	75,499,572	48,000,007
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		60,857,073	180,949,923	657,688,158	229,946,237
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1,762,625,987)	2,833,645,521	1,907,440,943	8,246,374,377
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(575,525,551)	517,459,340	517,459,340	6,829,781,047
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1,187,100,436)	2,316,186,181	1,907,440,943	1,416,593,330
18.1 Lợi nhuận sau thuế	61			2,316,186,181	1,907,440,943	1,416,593,330
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Hà Nội ngày 13... tháng... năm 2015

Kế toán trưởng



Lập biểu



Tổng Giám đốc




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

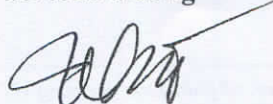
6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		74,772,583,104	68,522,928,646
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(88,959,052,524)	(39,004,186,321)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5,779,325,695)	(3,706,738,646)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(199,927,667)	(34,010,903)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(784,315,262)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8,279,858,977	223,893,459
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14,000,217,035)	(2,347,502,911)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(25,886,080,840)</b>	<b>22,870,068,062</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(283,836,025)	(3,889,900,894)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		505,196,950	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>221,360,925</b>	<b>(3,889,900,894)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	453,276,683
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		41,094,978,834	5,542,577,402
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(26,277,574,175)	(15,244,419,603)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>14,817,404,659</b>	<b>(9,248,565,518)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(10,847,315,256)</b>	<b>9,731,601,650</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30,074,295,245	7,593,055,318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>19,226,979,989</b>	<b>17,324,656,968</b>

Lập biểu



Kế toán trưởng



Hà Nội ngày 4.3. tháng 12.2. năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Trãi



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa; Kinh doanh vật tư, vận tải,...

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Xóm Bằng Gà, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	75,36%	75,4%	75,36%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 168 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 178 nhân viên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu** của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- **Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:**
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- **Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi:** căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Thành phẩm:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang** là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng vỏ bao sản xuất. Do đó giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 11. Vốn chủ sở hữu

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

*Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **20. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	15,355,081	3,067,225
Tiền gửi ngân hàng	4,888,763,268	9,448,437,458
Các khoản tương đương tiền	14,322,861,640	20,622,790,562
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (*)	14,322,861,640	20,622,790,562
<b>Cộng</b>	<b>19,226,979,989</b>	<b>30,074,295,245</b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn cuối kỳ bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sóc Sơn là 9.132.533.616 VND được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngân hàng này.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm có chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty cổ phần						
Licogi 16	154,438,000	85,000,000	(69,438,000)	154,438,000	85,000,000	(69,438,000)
<b>Cộng</b>	<b>154,438,000</b>	<b>85,000,000</b>	<b>(69,438,000)</b>	<b>154,438,000</b>	<b>85,000,000</b>	<b>(69,438,000)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(69,348,000)	(2,981,795,501)
Trích lập dự phòng bổ sung		(8,000,000)
Tăng do chuyển từ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn sang		(700,000,000)
Hoàn nhập dự phòng		2,907,357,501
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(69,348,000)</b>	<b>(782,438,000)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>29,537,033,203</b>	<b>(8,595,433,420)</b>	<b>20,941,599,783</b>	<b>29,537,033,203</b>	<b>(7,778,818,283)</b>	<b>21,758,214,920</b>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng <sup>(i)</sup>	29,537,033,203	(8,595,433,420)	20,941,599,783	29,537,033,203	(7,778,818,283)	21,758,214,920
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>10,041,486,640</b>	<b>(4,775,000,000)</b>	<b>5,266,486,640</b>	<b>10,041,486,640</b>	<b>(4,775,000,000)</b>	<b>5,266,486,640</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	2,775,000,000	(2,775,000,000)	-	2,775,000,000	(2,775,000,000)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội	2,000,000,000	(2,000,000,000)	-	2,000,000,000	(2,000,000,000)	-
Công ty Cổ phần Lộc Ninh	5,266,486,640		5,266,486,640	5,266,486,640		5,266,486,640
<b>Cộng</b>	<b>39,578,519,843</b>	<b>(13,370,433,420)</b>	<b>26,208,086,423</b>	<b>39,578,519,843</b>	<b>(12,553,818,283)</b>	<b>27,024,701,560</b>

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400273378 ngày 11 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 6 năm 2012), Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 28.200.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà, Công ty sẽ đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 29.537.033.203 VND, tương đương 75,36% vốn điều lệ của Công ty con. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 29.537.033.203 VND, tương đương 75,4% tổng vốn thực góp của các bên tại Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng

#### Tình hình hoạt động của công ty con

Ngày 27 tháng 11 năm 2013 HĐQT Công ty đã ban hành nghị quyết số 480/NQ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 01/12/2013 đến 31/3/2014 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 06 tháng 12 năm 2013 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ 07/12/2013 đến 07/12/2014.

Ngày 11 tháng 11 năm 2014 HĐQT Công ty ban hành nghị quyết số 475/NĐ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 8/12/2014 đến ngày 08/12/2015 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ ngày 12/12/2014 đến ngày 8/12/2015.

Ngày 20 tháng 7 năm 2015 HĐQT Công ty ban hành nghị quyết số 399/ NQ-HĐQT về việc đăng ký hoạt động trở lại đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (Công ty con) dự kiến thời gian hoạt động trở lại là 01/08/2015.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(12,553,818,283)	(8,263,342,314)
Trích lập dự phòng bổ sung	(816,615,137)	(188,500,000)
Hoàn nhập dự phòng		700,000,000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(13,370,433,420)</b>	<b>(7,751,842,314)</b>

*Giao dịch với các công ty con*

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (gọi tắt là Sơn Tùng) như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cho Sơn Tùng mượn tiền	618.307.808	
Chuyển nợ cho vay thành vốn góp		587.033.203

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>19,030,204,025</b>	<b>2,968,280,000</b>
Công ty CP VLXD Hà Nội HP	19,030,204,025	453,104,000
Công ty CP ĐT & TM vận tải Hà Nội		2,515,176,000
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>46,293,666,123</b>	<b>44,530,111,249</b>
Công ty TNHH Dương Hồng	10,788,581,129	8,278,669,807
Công ty CP XM Mai Sơn	15,432,339,000	16,711,677,000
Công ty xi măng Chinfon	3,848,886,489	5,504,260,014
Công ty CP xi măng và khoáng sản Yên Bái	6,130,490,000	5,446,145,000
NiKo	902,320,741	4,346,501,986
KOTA	803,640,934	
Các khách hàng khác	8,387,407,830	4,242,857,442
<b>Cộng</b>	<b>65,323,870,148</b>	<b>47,498,391,249</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>		
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>185.044.000</b>	<b>149.076.940</b>
Công ty TNHH Kỹ thuật Đăng Hưng		58.000.000
Công ty TNHH Thương mại Toàn Thành Phát		40.446.940
Công ty Cổ phần Bản đồ và Đo đạc Công trình Hà Nội		16.110.000
Viện Năng suất Việt Nam	23.520.000	23.520.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia		11.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Vạn Hai Việt Nam	29.274.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB	30.250.000	
Công ty TNHH xe nâng Bình Minh	102.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>185.044.000</b>	<b>149.076.940</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1,218,282,771</b>	<b>(599,974,963)</b>	<b>599,974,963</b>	<b>(599,974,963)</b>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	1,218,282,771	(599,974,963)	599,974,963	(599,974,963)
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>21,006,573,675</b>	<b>(9,379,000,000)</b>	<b>21,959,677,475</b>	<b>(4,297,000,000)</b>
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	19,190,000,000	(9,277,000,000)	19,590,000,000	(4,195,000,000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,816,573,675	(102,000,000)	2,369,677,475	(102,000,000)
<b>Cộng</b>	<b>22,224,856,446</b>	<b>(9,978,974,963)</b>	<b>22,559,652,438</b>	<b>(4,896,974,963)</b>

(\*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 68/HĐKT/CT ngày 09/8/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất (Bên A) với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (bên B) về việc đầu tư một dự án mới trên phần diện tích đất 15.000 m<sup>2</sup> nằm trong tổng thể 21.290 m<sup>2</sup> đất thuộc nhà máy xử lý nước thải do bên A làm chủ đầu tư, tại khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Theo dự án trên Bên B góp 80% vốn. Giá trị vốn góp từng đợt phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng giai đoạn và nhu cầu thực tế triển khai dự án đầu tư. Hai bên thống nhất sẽ thành lập pháp nhân mới (là Công ty Cổ phần) để quản lý toàn bộ dự án trên vào một thời điểm thích hợp do bên B quyết định sau khi bàn bạc với bên A. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì bên B đề nghị bên A thanh toán số tiền còn lại do dự án chậm tiến độ. Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, bên A còn nợ 19.190.000.000 VND.

**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<b>Các bên liên quan</b>		<b>599,974,963</b>		<b>599,974,963</b>
Phải thu tiền cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng vay		599,974,963		599,974,963
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>19,292,000,000</b>		<b>15,395,000,000</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu tiền góp vốn Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	Trên 3 năm	19,190,000,000	9,913,000,000	19,590,000,000	15,395,000,000
Phải thu tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh vay	Trên 3 năm	102,000,000		102,000,000	
<b>Cộng</b>		<b>19,891,974,963</b>	<b>9,913,000,000</b>	<b>20,291,974,963</b>	<b>15,395,000,000</b>

(\*) Thời gian quá hạn tại ngày 30/6/2015 được tính theo thỏa thuận, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(4,896,974,963)		(4,896,974,963)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5,082,000,000)		(5,082,000,000)
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối kỳ	(9,978,974,963)	-	(9,978,974,963)

### 7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	3,016,786,800		4,370,455,134	
Nguyên liệu, vật liệu	15,076,752,220		7,673,984,096	(570,984,740)
Công cụ, dụng cụ	82,896,837		82,896,837	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3,345,500,071		3,223,020,406	
Thành phẩm	2,620,603,984		1,684,708,614	
<b>Cộng</b>	<b>24,142,539,912</b>		<b>17,035,065,087</b>	<b>(570,984,740)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	Kỳ này (570.984.740)
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	570.984.740
Số cuối kỳ	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí LC chờ kết chuyển	23,972,474	6,975,473
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng	152,470,718	
<b>Cộng</b>	<b>176,443,192</b>	<b>6,975,473</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng	503,452,082	583,703,073
Chi phí sửa chữa TSCĐ	242,487,530	341,277,491
Chi phí trả trước dài hạn khác	75,784,792	112,912,934
<b>Cộng</b>	<b>821,724,404</b>	<b>1,037,893,498</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<i>Số đầu năm</i>	8,317,903,663	33,513,203,179	1,982,759,307	290,247,954	44,104,114,103
Mua trong kỳ		104,545,455			104,545,455
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>8,317,903,663</u>	<u>33,617,748,634</u>	<u>1,982,759,307</u>	<u>290,247,954</u>	<u>44,208,659,558</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5,504,485,614	19,630,836,985	607,704,762	108,536,364	25,851,563,725
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<i>Số đầu năm</i>	6,505,957,045	23,336,308,192	791,045,370	154,918,140	30,788,228,747
Khấu hao trong kỳ	193,720,643	1,298,936,842	137,505,456	21,656,004	1,651,818,945
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>6,699,677,688</u>	<u>24,635,245,034</u>	<u>928,550,826</u>	<u>176,574,144</u>	<u>32,440,047,692</u>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<i>Số đầu năm</i>	<u>1,811,946,618</u>	<u>10,176,894,987</u>	<u>1,191,713,937</u>	<u>135,329,814</u>	<u>13,315,885,356</u>
<i>Số cuối kỳ</i>	<u>1,618,225,975</u>	<u>8,982,503,600</u>	<u>1,054,208,481</u>	<u>113,673,810</u>	<u>11,768,611,866</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.636.922.315 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Hà Tây.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định		4.719.866.694	(104.545.455)	(181.947.692)	4.433.373.547
Sửa chữa lớn tài sản cố định	237.651.042	947.916.018			1.185.567.060
<b>Cộng</b>	<b>237.651.042</b>	<b>5.667.782.712</b>	<b>(104.545.455)</b>	<b>(181.947.692)</b>	<b>5.618.940.607</b>

#### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>7,330,322,670</b>	<b>16,197,071,369</b>
Công ty CP TM DV Lâm Anh	2,846,527,500	2,233,335,500
ITOCHU		3,375,219,375
Công ty Y&M		2,325,600,000
Công ty MARUBENI		3,728,227,500
Công ty CP Tập đoàn XD và du lịch Bình Minh	1,235,761,100	
Các nhà cung cấp khác	3,248,034,070	4,534,688,994
<b>Cộng</b>	<b>7,330,322,670</b>	<b>16,197,071,369</b>

#### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<b>104.824.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội	104.824.000	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>1.145.663.113</b>	<b>1.351.572.917</b>
Công ty TNHH Sản xuất Bao Bì		586.278.000
Nikko	543.557.579	156.300.135
DSG Holdings	312.128.227	312.128.227
Kota	217.050.000	184.850.500
Các khách hàng khác	72.927.307	112.016.055
<b>Cộng</b>	<b>1.250.487.113</b>	<b>1.351.572.917</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác <sup>(*)</sup>	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			252,210,575			252,210,575	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			5,325,502,627	(5,325,502,627)		-	
Thuế xuất, nhập khẩu			160,370,498	(160,370,498)		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		(1,733,727,340)				-	(1,733,727,340)
Thuế thu nhập cá nhân	23,921,162		10,869,802	(34,790,964)		-	
Tiền thuế đất			488,926,000	(488,926,000)		-	
Các loại thuế khác			3,000,000	(3,000,000)		-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	964,107,235				(964,107,235)	-	
<b>Cộng</b>	<b>988,028,397</b>	<b>(1,733,727,340)</b>	<b>6,240,879,502</b>	<b>(6,012,590,089)</b>	<b>(964,107,235)</b>	<b>252,210,575</b>	<b>(1,733,727,340)</b>

<sup>(\*)</sup> Trong đó:

Giảm 499.634.501 đồng là khoản tiền phạt thuế của các năm trước được giảm.

Giảm 464.472.734 đồng là khoản tiền phạt thuế của các năm trước còn phải nộp đã trừ vào thuế giá trị gia tăng được hoàn trong kỳ.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1,907,440,943</b>	<b>8,246,374,377</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(393,106,139)	254,625,100
- Các khoản điều chỉnh tăng	106,528,362	304,387,500
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	78,900,000	48,000,000
Chi phí phạt vi phạm thuế	10,599,572	
Chi phí khai thác mỏ đá		253,387,500
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục phải thu và ký quỹ ký cược có gốc ngoại tệ cuối kỳ	184,406	
Chi phí tiền lương năm 2014 chưa chi hết đến thời điểm quyết toán thuế năm 2014	16,844,384	
Chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất		3,000,000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(499,634,501)	(49,762,400)
Tiền phạt thuế được miễn	(499,634,501)	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ		(49,762,400)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1,514,334,804</b>	<b>8,500,999,477</b>
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển	(1,514,334,804)	
Thu nhập tính thuế	-	8,500,999,477
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>		<b>1,870,219,885</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>		<b>1,870,219,885</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		<b>4,959,561,162</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>		<b>6,829,781,047</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Tiền thuê đất, thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	218.917.845	551.708.279
Chi phí vận chuyển	218.917.845	519.808.181
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác		31.900.098
<b>Cộng</b>	<b>218.917.845</b>	<b>551.708.279</b>

#### 15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	367.399.889	245.892.711
Kinh phí công đoàn	67.913.326	102.743.392
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	181.491.866	13.661.647
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	48.203.555	48.517.055
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	69.791.142	80.970.617
<b>Cộng</b>	<b>367.399.889</b>	<b>245.892.711</b>

#### 16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	21.756.179.143	21.756.179.143	6.736.331.250	6.736.331.250
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây <sup>(i)</sup>	14.809.983.745	14.809.983.745		
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sóc Sơn <sup>(ii)</sup>	6.946.195.398	6.946.195.398	6.736.331.250	6.736.331.250
<b>Cộng</b>	<b>21.756.179.143</b>	<b>21.756.179.143</b>	<b>6.736.331.250</b>	<b>6.736.331.250</b>

(i) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/HĐHM ngày 05 tháng 03 năm 2014 với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân và thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là tiếp tục thế chấp các tài sản sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- ✓ Toàn bộ hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc trên diện tích 9.836,9 m<sup>2</sup> đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2007/HĐTC ngày 1/10/2007 và các biên bản định giá lại kiêm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị: 2.782.000.000 VND
  - ✓ Máy móc thiết bị (gồm 6 máy dệt, máy dựng bao và 2 dầm cầu trục) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2007/HĐTC ngày 1/7/2007 và các biên bản định giá lại kiêm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị: 174.000.000 VND.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền hàng với lãi suất 4%/năm, thời hạn vay 4 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Sóc Sơn theo hợp đồng cầm cố TS số 01/15/HĐTC ngày 18/1/2010 (xem thuyết minh số V.1).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.736.331.250	9.229.747.900
Số tiền vay phát sinh	41.108.686.834	34.678.114.225
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	206.250.484	32.579.500
Số tiền vay đã trả	(26.295.089.425)	(36.231.971.625)
Số cuối kỳ	<u>21.756.179.143</u>	<u>7.708.470.000</u>

### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ	Số cuối kỳ
		trong kỳ	
Quỹ khen thưởng	350.138.468	(14.300.000)	335.838.468
Quỹ phúc lợi	18.179.258	(18.179.258)	
Cộng	<u>368.317.726</u>	<u>(32.479.258)</u>	<u>335.838.468</u>

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm nay	Lợi nhuận trong kỳ này	Số dư cuối kỳ này
Vốn góp của chủ sở hữu	70,000,000,000		70,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	54,102,373,080		54,102,373,080
Cổ phiếu quỹ	(12,149,015,060)		(12,149,015,060)
Quỹ đầu tư phát triển	29,794,582,914		29,794,582,914
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(6,453,424,913)	1,907,440,943	(4,545,983,970)
Cộng	<u>135,294,516,021</u>	<u>1,907,440,943</u>	<u>137,201,956,964</u>

#### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	70,000,000,000	70,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	54,102,373,080	54,102,373,080

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Cổ phiếu quỹ	(12,149,015,060)	(12,149,015,060)
Cộng	<u>111,953,358,020</u>	<u>111,953,358,020</u>

**18c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	933.500	933.500
- Cổ phiếu phổ thông	933.500	933.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.066.500	6.066.500
- Cổ phiếu phổ thông	6.066.500	6.066.500
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**18d. Phân phối lợi nhuận**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ – ĐHCĐ ngày 18/4/2015 của Công ty thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2014 như sau:

Tỷ lệ cổ tức năm 2014: 0%

Trích lập các quỹ năm 2014: 0%

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Là ngoại tệ Dollar Mỹ (USD)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	24.159,01	9.299,84

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	51.733.263.122	50.233.967.040
Doanh thu bán thành phẩm	58.733.448.971	102.263.096.661
Cộng	<u>110.466.712.093</u>	<u>152.497.063.701</u>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là Công ty con như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP</b>		
Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm	23.509.916.041	
Thuế GTGT	2.350.991.609	
Chiết khấu thương mại	551.466.930	
<b>Công ty cổ phần đầu tư và thương mại vận tải Hà Nội</b>		
Tiền cược vận chuyển		501.770.000
Thuế GTGT		50.177.000
Thanh toán tiền	2.620.000.000	551.947.000

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	551.466.930	
Giảm giá hàng bán	54.673.717	428.261.456
<b>Cộng</b>	<b>606.140.647</b>	<b>428.261.456</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	49,253,963,093	48,084,084,220
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	48,439,826,761	89,235,723,808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(570,984,740)	
<b>Cộng</b>	<b>97,122,805,114</b>	<b>137,319,808,028</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	505,196,950	289,850,227
Tiền gửi có kỳ hạn		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi về kinh doanh chứng khoán		46,360,703
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	132,483,158	67,371,475
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chiết khấu thanh toán		
<b>Cộng</b>	<b>637,680,108</b>	<b>403,582,405</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	199,927,667	110,200,588
Lỗ về kinh doanh chứng khoán		2,274,426,554

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	528,020,262	321,248,385
Dự phòng đầu tư dài hạn	816,615,137	(2,710,857,501)
Phân bổ chi phí quyền mở		253,387,500
<b>Cộng</b>	<b>1,544,563,066</b>	<b>248,405,526</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	215,000,000	250,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1,713,837,886	2,426,241,855
<b>Cộng</b>	<b>1,928,837,886</b>	<b>2,676,241,855</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,994,925,920	2,685,665,000
Chi phí vật liệu quản lý	160,564,613	101,320,727
Chi phí đồ dùng văn phòng	96,295,237	101,979,890
Chi phí khấu hao TSCĐ	186,534,258	161,966,994
Thuế, phí và lệ phí	551,895,373	692,227,180
Chi phí dự phòng	5,082,000,000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	258,730,497	161,326,346
Chi phí bằng tiền khác	321,346,805	307,014,964
<b>Cộng</b>	<b>8,652,292,703</b>	<b>4,211,501,101</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu bán phế liệu, thanh lý tài sản cố định	142,775,000	108,602,273
Tiền phạt thuế nay được miễn	499,634,501	
Thu nhập khác	90,778,229	169,343,971
<b>Cộng</b>	<b>733,187,730</b>	<b>277,946,244</b>

**9. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao TV HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	64,900,000	48,000,000
Chi khác	10,599,572	7
<b>Cộng</b>	<b>75,499,572</b>	<b>48,000,007</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	570.969.631	664.123.819
Phụ cấp và các khoản phúc lợi khác	174.000.000	132.000.000
<b>Cộng</b>	<b>744.969.631</b>	<b>796.123.819</b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội	Công ty do Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc
Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP	Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội</b>		
Tiền cước vận chuyển		501,770,000
Thuế GTGT		50,177,000

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thanh toán tiền hàng	2.620.000.000	551,947,000
----------------------	---------------	-------------

### Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP

Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm	23,509,916,041
Thuế GTGT	2,350,991,609
Chiết khấu thương mại	551.466.930

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Riêng đối với khoản phải thu tiền cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng mượn Công ty xác định khó có khả năng thu hồi nên thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền là 599.974.963 VND. Ngoài ra, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 6. Số liệu so sánh

### 6a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

### 6b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc chế độ/qui định kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Phải thu ngắn hạn	136	21.141.765.389	1.417.887.049	22.559.652.438	(1)
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.417.887.049	(1.417.887.049)		(2)
Tài sản cố định	220	13.553.536.398	(237.651.042)	13.315.885.356	(3)
Tài sản dở dang dài hạn	240		237.651.042	237.651.042	(4)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25.469.464.853	4.325.118.061	29.794.582.914	(5)

#### (1) Phải thu ngắn hạn khác

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác trên Bảng CĐKT bao gồm số dư Tài khoản tạm ứng và Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

#### (2) Tài sản ngắn hạn khác

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu tài sản ngắn hạn khác trên Bảng CĐKT không bao gồm số dư Tài khoản tạm ứng và Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

#### (3) Tài sản cố định

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu tài sản cố định trên Bảng CĐKT không bao gồm số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(4) **Tài sản dở dang dài hạn**

Do theo chế độ kế toán mới thì số liệu của chỉ tiêu tài sản dở dang dài hạn trên Bảng CĐKT bao gồm số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

(5) **Quỹ đầu tư phát triển**

Do theo chế độ kế toán mới thì không còn chỉ tiêu Quỹ dự phòng tài chính trên Bảng CĐKT, công ty trình bày số dư của Quỹ dự phòng tài chính cộng vào số liệu của chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển.

7. **Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

7a. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.8 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	19,226,979,989				19,226,979,989

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				154,438,000	154,438,000
Phải thu khách hàng	64,901,675,746		422,194,402		65,323,870,148
Các khoản phải thu khác	2,172,831,366	599,974,963		19,292,000,000	22,064,806,329
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5,266,486,640			4,775,000,000	10,041,486,640
<b>Cộng</b>	<b>91,567,973,741</b>	<b>599,974,963</b>	<b>422,194,402</b>	<b>24,221,438,000</b>	<b>116,811,581,106</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	30,074,295,245				30,074,295,245
Chứng khoán kinh doanh				154,438,000	154,438,000
Phải thu khách hàng	47,498,391,249				47,498,391,249
Các khoản phải thu khác	7,938,000,000	599,974,963		12,492,000,000	21,029,974,963
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5,266,486,640			4,775,000,000	10,041,486,640
<b>Cộng</b>	<b>90,777,173,134</b>	<b>599,974,963</b>	<b>-</b>	<b>17,421,438,000</b>	<b>108,798,586,097</b>

**7b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	21,756,179,143			21,756,179,143
Phải trả người bán	7,330,322,670			7,330,322,670
Các khoản phải trả khác	288,708,987			288,708,987

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	29,375,210,800	-	-	29,375,210,800
Số đầu năm				
Vay và nợ	6,736,331,250			6,736,331,250
Phải trả người bán	16,197,071,369			16,197,071,369
Các khoản phải trả khác	592,898,279			592,898,279
Cộng	23,526,300,898	-	-	23,526,300,898

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 7c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,159.01	9,299.84
Phải thu khách hàng	36,881.18	203,345.12
Các khoản phải thu khác	34,304.10	
Vay và nợ	(996,390.16)	(315,150.00)
Phải trả người bán	(18,768.75)	
<b>(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(919,814.62)</b>	<b>(102,505.04)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	14,322,861,640		20,622,790,562	
Vay và nợ		(996,390.16)		(315,150.00)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>14,322,861,640</b>	<b>(996,390.16)</b>	<b>20,622,790,562</b>	<b>(315,150.00)</b>

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tiền gửi và vay có giá trị nhỏ.

### **Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

### **Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu**

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

## **7d. Tài sản đảm bảo**

### **Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Sóc Sơn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng này. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 9.132.533.616 VND (xem thuyết minh số V.1).

### **Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác**

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## **8. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	19,226,979,989	30,074,295,245	19,226,979,989	30,074,295,245
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	154,438,000	154,438,000	85,000,000	85,000,000
Phải thu khách hàng	65,323,870,148	47,498,391,249	65,323,870,148	47,498,391,249
Các khoản phải thu khác	22,064,806,329	21,029,974,963	12,085,831,366	16,133,000,000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10,041,486,640	10,041,486,640	5,266,486,640	5,266,486,640
<b>Cộng</b>	<b>116,811,581,106</b>	<b>108,798,586,097</b>	<b>101,988,168,143</b>	<b>99,057,173,134</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	21,756,179,143	6,736,331,250	21,756,179,143	6,736,331,250
Phải trả người bán	7,330,322,670	16,197,071,369	7,330,322,670	16,197,071,369
Các khoản phải trả khác	288,708,987	592,898,279	288,708,987	592,898,279
<b>Cộng</b>	<b>29,375,210,800</b>	<b>23,526,300,898</b>	<b>29,375,210,800</b>	<b>23,526,300,898</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### 9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ – ĐHCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015 thông qua phương án tái phát hành cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị tái phát hành theo mệnh giá là: 9.099.750.000 đồng. Đến thời điểm kiểm toán phương án tái phát hành đã được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận và đang trong quá trình thực hiện.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 399/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 7 năm 2015 về việc đăng ký hoạt động trở lại đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (Công ty con) dự kiến thời gian hoạt động trở lại là 01/08/2015.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**Người lập biểu**



**Ngô Thị Pho**

**Quyền Kế toán trưởng**



**Nguyễn Hồng Minh**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2015

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Trọng Trãi**